

Nguyên Lý Duyên Khởi Trong Phật Giáo và Lý Vận Hành Âm Dương Tiên Rồng Trong Văn Hóa Việt Nam

(Trích trong bài Dân Tộc và Phật Giáo)

1.1 Nguyên Lý Duyên Khởi:

Phật tử thuần thành đều biết duyên khởi là giáo lý mà từ đó Thế Tôn giác ngộ vô thượng Bồ Đề. Không có sử liệu nào, cũng không có một bản kinh nào nói khác đi về nội dung chứng ngộ đó của Thế Tôn. Duyên khởi là nền tảng chủ yếu của giáo lý Bắc Tông và Nam Tông.

Nhưng tại sao giác ngộ duyên khởi là giác ngộ tối thượng? Câu trả lời giản dị nhất là duyên khởi nói lên thực tại tính của các pháp. Thực tại tính ấy là duyên sinh tính hay vô ngã tính. Tiếng nói duyên sinh là tiếng nói của giác ngộ, và giải thoát khỏi mọi trói buộc của chấp trước và tham ái. Phật đã dạy: ai thấy duyên khởi là thấy pháp, ai thấy pháp là thấy Phật.

Thấy Phật quả là sự giác ngộ tối thượng (Thích Chơn Thiện, Phật học khái luận, NXB TPHCM 1997, trang 165-166)

Trong kinh Phật Tự thuyết nguyên lý duyên khởi đã được Thế Tôn tóm tắt:

Do cái này có mặt nên cái kia có mặt
Do cái này không có mặt nên cái kia không có mặt
Do cái này sinh nên cái kia sinh
Do cái này diệt nên cái kia diệt

Theo kinh điển để lại Thái Tử Tất Đạt Đa đi đến nước Ma-Kiệt-Đà (Magadha), Ngài dùng chân và chọn đây làm cứ điểm tìm đạo sau cùng. Ngài giữ chánh niệm, tỉnh giác hành Thiền, Ngài thấy rõ lý duyên khởi, **khéo tác ý thuận chiều**:

Do cái này có mặt, cái kia có mặt
Do cái này sanh, cái kia sanh

Qua canh ba, Ngài **tác ý nghịch chiều duyên khởi**:

Do cái này không có, cái kia không có
Do cái này diệt, cái kia diệt

Đến canh năm, Ngài **tác ý thuận và nghịch chiều duyên khởi thấy rõ**:

Do cái này có, cái kia có
Do cái này sanh, cái kia sanh
Do cái này không có, cái kia không có
Do cái này diệt, cái kia diệt

Đúng lúc sao mai mọc, Ngài chứng đắc vô thượng chánh đẳng giác. Ngài là vị A La Hán chánh đẳng giác đầu tiên trong hiện kiếp. (Thích Chơn Thiện, sđd trang 20-21)

Như vậy, Ngài khám phá thấy ra nguyên lý duyên khởi trong lúc ngồi một chỗ, tỉnh giác hành thiền, **chứ không phải thấy nguyên lý duyên khởi trong đời sống hiện thực sinh động**

trong môi trường (xã hội và thiên nhiên) luôn luôn biến dịch không ngừng nghỉ. Như vậy Ngài không tự dấn thân vào trường đời để thấy duyên khởi vận hành một cách tự nhiên trong môi trường sống.

Trên thực tế, xã hội Ấn Độ phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt, với sáu mươi hai (62) trường phái đương thời chấp ngã sở, nên đức Phật phải hệ thống hóa cái thấy của mình để thuyết phục dân Ấn Độ vận dụng nguyên lý duyên khởi vào đời sống thực tiễn. Một việc làm vô cùng khó khăn, vì cái thấy của Ngài đi trước trình độ dân trí của một xã hội phân chia đẳng cấp thiếu vắng tính người và tình người; cho nên nguyên lý duyên khởi chỉ có trong lời nói, chữ nghĩa để mô tả và thuyết phục, chưa vận dụng được lý duyên khởi vào đời sống thực tiễn hàng ngày của xã hội đương thời.

Trong lúc đó, nếp sống Việt là nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (*hòa cả làng*) không có giai cấp sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình, với đạo lý lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc, thể hiện trong đời sống, *“thương người người lại thương ta, ghét người thì lại hóa ra ghét mình”*. Điều đó cho thấy cái dụng của duyên khởi được thể hiện trong đời sống thực tiễn hàng ngày. Nó đã vượt qua chữ nghĩa, kinh điển và thuyết phục.

1.2 Lý Vận Hành Âm Dương Tiên Rồng Trong Văn Hóa Việt Nam:

Ngày từ thuở cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước cách ngày nay khoảng 6000-7000 năm (xem website www.tusachvietthuong.org). Tổ tiên người Việt đã mở cửa âm dương chuyển tải lý vận hành âm dương hòa quyện với lòng người vào dòng sống dân tộc, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc, thể hiện trong nếp sống chan chứa tính người và tình người với đạo lý *“thương người như thể thương thân”*.

Ông cha chúng ta đã thần hóa âm dương thành Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long, tỏ lòng biết ơn mẹ cha cùng âm dương, đất trời.

Triết lý sống Tiên Rồng dạy chúng ta chấp nhận dị biệt, *“rằng trong lẽ phải có người có ta”*, coi đối lập là bổ sung, lấy tình nghĩa làm đầu, *“một bờ cái lý không bằng một tí cái tình”*. Tâm tình người Việt không quên chữ Hòa (*hòa cả làng*) *“coi nhau như bát nước đầy là hơn, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau, có đi có lại mới toại lòng nhau, bánh sập đi thì bánh qui trở lại...”* Âm Dương Tiên Rồng là “Đạo sống Việt” nắm được lẽ sinh hóa của âm dương có gì chẳng thông.

Như vậy, nếu nói theo văn hóa Phật giáo Ấn Độ:

Do dương có mặt, nên âm có mặt

Do dương không có mặt, nên âm không có mặt

Do âm sinh, nên dương sinh

Do âm diệt nên dương diệt

Tất cả mọi cuộc biến hóa nhỏ lớn gì trên đời đều do lý vận hành âm dương mà ra. Có cả âm lẫn dương mới có biến hóa; nhất định không có trạng thái chỉ có âm hay chỉ có dương. Như vậy, nếu không có sự vận hành, biến hóa của âm dương (âm dương mà hủy diệt) thì làm gì thấy được duyên khởi, để thấy pháp...?

“Nếu chỉ có một âm hay một dương thì âm ấy hay dương ấy sẽ bị tự diệt. Thực ra, không phải đơn giản như thế, thấy vậy mà không phải vậy. Khi hiểu được ra rằng âm dương tuy hai mà một, và trong âm có dương, trong dương có âm cũng như trong họa có phúc, trong phúc có họa,

hết bĩ đến thái, hết thịnh đến suy... Con người lúc bấy giờ mới hiểu ra được cái chân tướng của sự vật, biết hành động đúng mức, đúng thời, nhất là khi người đó là bực cảm quyền tự trị nước, lo cho sự tồn vong của dân tộc, hoặc người đó chỉ là một người thường muốn sống ra lẽ sống, một người làm ăn lương thiện, một người vợ, một người chồng, một người cha, một người mẹ, một người con, một người anh, một người em... Dịch không phải chỉ nêu lên lẽ âm dương trong vũ trụ. Dịch còn đem luật vũ trụ đặt thành đạo sống cho con người” (Trần Việt Sơn – Dịch Học Tinh Hoa, Nguyễn Duy Cần, Trang VII – VIII)

Dòng sống luôn luôn biến dịch sinh động, tùy theo môi trường sống, mỗi người là một pho dịch lý sống để tùy cơ ứng biến, với tinh thần tự chủ và óc sáng tạo. Từ sự hiểu nghiệm (sự hiểu biết qua kinh nghiệm sống) lý vận hành âm dương trong đời sống nông nghiệp trồng lúa nước, tổ tiên chúng ta đã xây dựng được nền giáo dục nhân bản tâm linh với cảm năng dịch lý: *học ăn, học nói, học gói, học mở*.

Đạo sống Việt là đạo sống Tiên Ròng (Tiên = Âm; Ròng = Dương). Đạo sống Tiên Ròng là đạo sống thái hòa, lấy “hòa” làm chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử (*hòa cả làng*). “Tình thương” và “trí tuệ” là định hướng cho mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm.

Nếu không có con người làm gì có tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo, v.v... Nếu không có con người nguyên lý duyên khởi, lý vận hành âm dương, có đó, có cũng như không, không có ý nghĩa gì. Nói cách khác, tất cả những thứ đó không đi ra ngoài con người. Cho nên đạo sống Việt lấy con người làm gốc, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc với đạo lý “*thương người như thể thương thân*”, xem mọi người trong xã hội đều là người thân trong gia đình, qua cách xưng hô đầy thân thương: chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, v.v...

1.2.1 Thần Hóa Âm Dương Thành Mẹ Tiên và Cha Ròng

Thần Tổ kép Tiên Ròng của dân Việt là biểu tượng thăng hoa theo chiều kích Nhân và Trí. Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (non nhân), cha Ròng Lạc Long sống dưới biển (nước trí). Tình thương (nhân) và trí tuệ (trí) là định hướng của dân tộc Việt Nam trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm.

Mặt khác, mẹ Tiên Âu Cơ, “thê” là âm, lên núi, núi là dương; Cha Ròng Lạc Long, “thê” là dương lại xuống nước, nước là âm. Đó là biểu tượng cho “lý” trong âm có dương, trong dương có âm, trong họa có phúc, trong phúc có họa, tức trong tịnh (âm) có gốc động (dương), trong động (dương) có gốc tịnh (âm).

Lý vận hành âm dương không phải chỉ có thể. Nó còn đạt đến những hiện tượng siêu việt hơn, giúp cho ta thấy rõ trong cái biến có cái **bất biến**, và chính cái bất biến chỉ đạo cái biến. Nghĩa là trong cái động có cái tịnh, hay nói cách khác, động trong cái tịnh và tịnh trong cái động; tịnh và động không bao giờ rời nhau. Âm Dương Tiên Ròng là tương đối luận, thứ tương đối dẫn vào tuyệt đối; cả hai là một (nhưng một lại là hai). Trời đất biến đổi mà có xuân hạ thu đông, nhưng luật vận hành lúc nào cũng như một.

Thế rồi từ chỗ thấu triệt được sự vận hành trong vũ trụ theo nguyên lý duy nhất, con người thấu hiểu được muôn ngàn lẽ về nhân sinh, không phải chỉ thích ứng với vũ trụ để sống mà còn để hiểu lẽ tuần hoàn của sống chết, áp dụng các luật biến động vào từng việc làm của con người (Trần Việt Sơn, sđđ, Trang VII). Người Phật tử Việt Nam thường quên một sự kiện là ông cha chúng ta không những đã khám phá ra nguyên lý Duyên Khởi (nhưng với cái tên khác là lý vận hành âm dương) và đã vận dụng cái dụng của lý duyên khởi vào đời sống thực tiễn một cách sinh động, trước khi Thái Tử Tất Đạt Đa sinh ra đời. Biết để sống: *xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao* (Nguyễn Bình Khiêm); *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa* (tục ngữ)..., chứ không phải hệ thống hóa

thành kinh điển (hoặc tôn giáo hóa để tranh luận với những trường phái khác hay tôn giáo khác, để thuyết phục).

Tổ tiên chúng ta đã huyền thoại hóa lý vận hành âm dương (nguyên lý Duyên Khởi nói theo văn hóa Phật Giáo) qua biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng (Tiên=âm, Rồng=dương) để nhắc nhở con cái Việt; và còn thần hóa Âm thành Mẹ Tiên Âu Cơ, Dương thành cha Rồng Lạc Long để ghi ơn Âm Dương như biết ơn cha mẹ và khắc sâu vào tâm khảm của từng người trong dòng tâm thức dân tộc.

1.2.2 Âm Dương Tiên Rồng Trong Nếp Sống Việt

Người Việt không luận cứ, không hệ thống hóa nguyên lý Duyên Khởi trong chữ nghĩa, kinh điển với những định nghĩa, phân tích dông dài qua các buổi thuyết giảng. Họ sống ngay trên dòng Duyên Khởi biến dịch trong thiên nhiên (sống thuận lý theo thiên nhiên, trông cơ trời đất liệu thời làm ăn). Qua thời tiết, mùa màng, mỗi mùa mỗi tiết đều có hoa trái khác nhau, rau, củ, cá tôm, cua, v.v... khác nhau để cung cấp cho đời sống con người: xuân ăn măng trúc, đông ăn giá (Nguyễn Bình Khiêm).

Nói theo ngôn ngữ Phật giáo (Ấn Độ) nguyên lý Duyên Khởi (lý vận hành âm dương) bản bực thể hiện từng giây phút, biến dịch không ngừng nghỉ trên dòng sống hiện thực linh động của con người. Chẳng hạn chén nước mắm trong ở đồng bằng sông Hồng tới chén nước mắm chua chua ngọt ngọt ở châu thổ sông Cửu Long. Nồi canh chua cũng thay đổi từ độ chua đến vật liệu để thích hợp với thời tiết, khí hậu nóng bức của Miền Nam.

Điều đó cho thấy sự biến dịch (thay đổi) và duyên hợp nằm trong đời sống, chứ không phải trong các buổi thuyết giảng về Duyên Khởi. Đối với người nông dân Việt lý vận hành âm dương (nói theo văn hóa Phật giáo là Duyên Khởi) là nguồn cảm hứng cho cuộc sống thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ chứ không phải là Duyên Khởi trong chữ nghĩa trong lý luận, nếu không muốn nói là hệ luận và tư tưởng được lặp đi lặp lại không ngừng nghỉ một cách nhàm chán.

Người nông dân trồng lúa nước nào cũng ý thức được cây lúa tốt tươi trên đồng ruộng không thể tự nhiên được như thế hay do thần linh ban phát mà do “*nước, phân, cần, giống*” và thời tiết (thuận lợi), v.v.... Nếu thiếu một trong những yếu tố đó, cây lúa sẽ trở nên èo ọt.

Người nông dân Việt Nam không ngồi lim dim, tìm hiểu nguyên lý duyên khởi..., họ “*trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông gió..., trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*”, thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cuộc sống, với cái đang xảy ra, nếu sơ xảy một chút, **không kịp thời thích nghi với dòng duyên khởi của môi trường sống** để ruộng thiếu nước hoặc úng nước là có thể mất mùa đói kém.

1.2.3 Chữ Thời Trong Dòng Biến Dịch của Âm Dương

Trong dòng biến dịch không ngừng nghỉ của lý vận hành âm dương, “**thời**” (thời cơ) rất quan trọng. Bỏ mất chữ thời, không thích nghi kịp thời, thì hành động nào cũng sẽ hỏng, không những nguy hiểm cho cá nhân mình mà còn làm thiệt hại cho người khác, cho xã hội, v.v.... Một hệ quả vô cùng quan trọng của nghề trồng lúa nước là **thời-vụ-tính**: gieo trồng gặt hái phải đúng thời, đúng chỗ. Sự hiểu nghiệm (sự hiểu biết qua kinh nghiệm sống) về lý vận hành âm dương (duyên khởi) đã giúp cho ông cha chúng ta sớm ý thức được mọi hành động muốn đạt kết quả tốt phải biết sống thuận lý theo thiên nhiên (thuận theo duyên khởi) đồng thời còn phải biết tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy nghi... ông cha thường nhắc nhở: “*Đắc thời đắc thế thì khô, Sa cơ Rồng cũng như giun khác nào*”.

Đây không phải là thái độ “ba phải” mà là lối sống tùy nghi, thích ứng, tùy thời mà thuận, tùy thời mà chống, để giữ sự quân bình. Đó là nếp sống minh triết Việt Nam, minh triết sống Tiên Rồng. Có lúc hùng mạnh như Rồng, vững chắc vươn cao như núi, nhưng đôi khi cũng phải uyển chuyển tế nhị như tiên, linh động như nước, tùy cơ ứng biến: *ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy*.

Ông Nguyễn Bình Khiêm đã thấm nhuần nếp sống minh triết Việt Nam thuận lý theo thiên nhiên đã dạy rằng: *Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống*.

Biết thời, biết thế, không chấp chặt mặt Tiên hay mặt Rồng mà tùy thời, tùy chỗ, tùy người, tùy việc mà ứng xử. Kinh nghiệm sống đã giúp cho người dân Việt Nam biết được sự đa dạng và linh động của cuộc sống con người nên không chấp mà trái lại luôn luôn chấp nhận thay đổi và sự khác biệt để thích ứng, thích nghi. Con người không nên câu nệ vào một nguyên tắc cố định, một khuôn mẫu cứng nhắc nào mà phải phá bỏ mọi cái chèn chấp trước (chèn Phật giáo, Nho giáo, Kito giáo, ý thức hệ ngoại nhập...): *“kiến bò miệng chén, gà què ăn quẩn cối xay”*. Phải tùy, phải lựa, phải liệu: *tùy cơ ứng biến, tùy mặt đặt tên, liệu bò lo chuồng, chọn mặt gửi vàng, liệu com gấp mắt, lựa gió xoay chiều, lựa lời mà nói...* Nhờ ý thức được chữ “thời” tối ưu quan trọng trong sự thành bại của mọi vấn đề nên khi người Việt tiếp xúc với tinh hoa của Phật giáo, Nho giáo, đã tiếp nhận một cách dễ dàng như đón nhận cố nhân. Tuy nhiên, tất cả mọi thích ứng đều đặt trên căn bản tình người. Và tình người thì bất biến. Vì thế, chúng ta có thể nói đạo sống Việt lấy con người làm trung tâm cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần, chứ không phải thượng đế, thần linh hay tinh thần hoặc vật chất: lấy tình thương xây dựng tâm thức của dân tộc.

Nói một cách đơn giản và ngắn gọn người nông dân Việt ngày xưa sống thuận lý theo thiên nhiên (tức theo duyên khởi) sống trọn vẹn với cuộc sống, với cái đang xảy ra: “con đang đông”, chấp nhận thực tại nhưng có thể thay đổi thái độ, thay đổi việc làm, thay đổi hành động “vừa trông vừa chạy sống trọn vẹn với cuộc sống, với cái đang xảy ra là sống đạo, ngoài ra không có đạo nào khác.

1.2.4 Kinh Nghiệm Sống Trong Nếp Sống Thuận Lý Theo Thiên Nhiên: *Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*.

Tri thức thực nghiệm của nông dân Việt căn cứ trên sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên và đem các quy luật vận hành ghi nhận được ứng dụng vào những lãnh vực liên hệ đến cuộc sống hằng ngày. Quy luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, quãng trăng... đã được ứng dụng vào việc dự báo thời tiết cho nhà nông. Vì thế, cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống của thảo mộc và thiên nhiên. Đây là mối liên hệ mật thiết tương thông tương cảm đã phản ánh sâu đậm trong nhân sinh quan của nông dân Việt. Liên hệ nhân quả quán chiếu từ giống tốt tạo nên nhánh lúa trĩu hạt. Ý niệm tri ân tiền ân, nền tảng của tục thờ cúng tổ tiên, bắt nguồn từ việc “uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước, ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ đến công lao của kẻ trồng cây”. Nhân sinh quan thảo mộc thiên nhiên này đã tạo nên một không gian tâm linh, một chiều kích thứ tư, khiến con người tương cảm tương cận với tiền nhân. Trong gia đình, con người cảm thấy vững tâm với linh cảm rằng mái ấm gia đình của mình luôn luôn có sự che chở của tổ tiên ngự trị trên bàn thờ gia tiên. Đối với nông dân Việt, sự an bình trong làng mạc của họ được vị thành hoàng làng trấn ngự dưới mái đình làng phù trợ. Mở rộng ra đến cả nước thì quốc tổ sẵn sàng tiếp ứng lúc hữu sự, khi con cái cất tiếng kêu cầu: “Bố ơi! Về giúp chúng con.” (bố trong ý nghĩa bản sắc dân tộc, lý vận hành âm dương)

Một hiện tượng hết sức phổ biến trong thiên nhiên mà nông dân Việt đã quán chiếu được:

đó là mọi sự vật trên đời hầu hết hợp thành từng cặp bổ túc và bổ nghĩa cho nhau qua sự tương phản và nếu được kết hợp, chúng sẽ chuyển hóa thành một thể tổng hợp mới hài hòa trọn vẹn, tỉ như sáng-tối, nam nữ... Ban mai và ban tối hợp lại thành một ngày trọn vẹn. Người nam sẽ thành nhân nếu chưa kết hôn với người nữ để cùng nhau xây dựng một mái ấm gia đình, sinh con đẻ cái. Qua sự quán chiếu đó, nông dân Việt rút ra qui luật: muốn đạt được sự hài hòa thì phải kết hợp (thống nhất) các mâu thuẫn, dị biệt (đối lập).

Do đó, nhân sinh quan của nông dân trồng lúa nước đặt nền tảng trên sự hài hòa phải có sự chấp nhận dị biệt trong bình đẳng, tương thân và tương tác, từ đó mới thực hiện được sự phân công hợp tác một cách tốt đẹp. Nhân sinh quan này bắt nguồn từ vai trò bình đẳng của con người với trời đất trên cõi đời này. Vì thế, cốt lõi của nhân sinh quan này là Nhân Chủ: trí tuệ, tình người và sức lực con người là chủ yếu. Vai trò của người nữ được trân trọng, tình gia tộc thấm thiết, tình hàng xóm láng giềng khắng khít, cùng chia sẻ ngọt bùi, cay đắng nên sự hợp tác chặt chẽ, sự phân công hợp tình, tinh thần trách nhiệm chung cao do ý thức cộng đồng sâu sắc.

Qua lăng kính nhân chủ, trời đất được thần hóa thành cha Trời mẹ Đất và cỏ cây, sông núi cũng đều có linh khí như con người. Cùng lúc đó, một không gian tâm linh bằng bạc phủ trùm toàn thể các sinh hoạt của người nông dân: linh hồn tổ tiên, hồn thiêng sông núi lúc nào cũng như cận kề với họ.

Sự hài hòa khởi đi từ sự kết hợp của hai người nam nữ “có âm-dương, có vợ-chồng”, sự hòa mục trong làng xóm đến sự thái hòa của đất nước. (Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, Tủ Sách Việt Thường, Năm 2000, Trang 36-37-38).

Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa như Tiên Rồng, như nước bốc hơi: Thăng hoa mãi qua quá trình giáo dục nhân dân bản tâm linh với cảm nan dịch lý học ăn, học nói, học gói, học mở theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ, với định hướng của nền tâm học: Biến – Hoa – Thăng hoa – Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng tâm thức dân tộc, một cuộc hòa đồng và thể nhập tâm con người với cái tâm vũ trụ; cả hai là một, giống nhau.

Nhờ thấm nhuần sâu sắc lý vận hành âm dương, cùng ăn ở, hít thở với cái dụng của lý vận hành âm dương (lý duyên khởi), mà có nhiều kinh nghiệm sống với lý “trong âm có dương”, “trong dương có âm”: trong rủi có may, trong dở có hay, trong họa có phúc, mùa có đông lạnh, người có lúc vinh lúc nhục, nước có lúc đục lúc trong (tục ngữ), vật vả có lúc thanh nhàn, không dung ai để đem tán che cho (ca dao).

Và còn có nhiều câu ca dao, tục ngữ phản ảnh kinh nghiệm sống về lẽ “âm dương chuyển hóa”, “âm sinh dương”, “dương sinh âm”: sướng lắm khổ nhiều; trèo cao ngã đau; yêu nhau lắm, cắn nhau đau; tham thì thâm; chắc quá hóa lép; hiền quá hóa ngu; hết khôn, tồn dại; ghét của nào, trời trao của ấy (tục ngữ).

Từ tư duy đến cách sống, từ dấu vết cổ xưa đến những thói quen hiện đại khắp nơi trong mọi lãnh vực đều thấy bóng dáng của lý “âm dương” (nguyên lý Duyên Khởi nói theo văn hóa Phật giáo).

Trên thế giới, vật tổ của các dân tộc thường là một loài động vật cụ thể (chim ưng, gà trống, sư tử, gấu, v.v...) trái lại Việt Nam có vật tổ là một cặp TIÊN-RỒNG (âm dương). Ở Việt Nam mọi thứ thường đi đôi theo nguyên lý âm dương hài hòa, bình đẳng: ông Đổng bà Cốt, đồng cô đồng cậu....

1.2.5 Âm Dương Trong Nếp Sống Việt

Ở Việt Nam lễ âm dương có thể gặp trong mọi nếp sống: xin âm dương (= xin Keo: dùng hai đồng tiền sao cho 1 ngửa 1 sấp), chợ âm dương (chợ họp vào chập tối, lúc giao thời giữa ngày và đêm), ngôi âm dương (ngôi lợp nhà kiêu viên ngửa viên sấp), bánh chưng bánh dày, vợ chồng, chẵn lẻ, vuông tròn, v.v...

“Lối tư duy cặp đôi” theo truyền thống lý âm dương khiến cho người Việt Nam khi nói đến đất (núi, non) phải nghĩ ngay đến nước, nói đến cha phải nghĩ ngay đến mẹ; cha và núi là dương, mẹ và nước là âm. Một so sánh thật tuyệt vời:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Ngoài biểu tượng ÂM DƯƠNG TIÊN RỒNG, người Việt còn một biểu tượng nữa. Đó là biểu tượng vuông tròn (vuông là âm, tròn là dương). Có vuông có tròn nghĩa là có âm có dương. Nói vuông tròn là nói đến sự hài hòa, sự hoàn thiện. Thành ngữ “mẹ tròn con vuông” là sinh nở không gặp tai biến, ca dao có câu :

Ba vuông sánh với bảy tròn

Đời cha vinh hiển, đời con sang giàu.

Lạy trời cho dựng vuông tròn

Trăm năm cho trọn lòng son với chàng.

Trong truyện Kiều, Nguyễn Du viết:

Trăm năm sinh cuộc vuông tròn

Phải dò cho đến ngọn nguồn rạch sông.

Mặt khác theo giáo sư Dương Thiệu Thố nhìn thấy biểu tượng âm dương trên trống đồng qua hình chấm đặc nằm trong chấm rỗng trong một dãy hình tròn có tiếp tuyến kế tiếp nhau (ông gọi là “chuỗi lưỡng hợp rỗng-đặc nối kết nhau”)

1.2.6 Âm Dương Trong Các Huyền Thoại

Chúng ta cũng gặp âm dương trong lãnh vực huyền thoại. Hình ảnh Phù Đổng Thiên Vương dùng “tre” đánh tan quân giặc xâm lăng với ẩn dụ lý vận hành âm dương, tạo ra sức mạnh tổng hợp, nghĩa là phối hợp quân đội chính quy với vũ khí tối tân (roi sắc, ngựa sắt phun lửa) [dương] với nội lực của nhân dân (âm). “Tre” tượng trưng cho người dân và làng xã.

Mặt khác, chính bản thân cây tre bao gồm cả âm lẫn dương. “Lóng tre” thẳng biểu tượng cho âm; “thân tre” hình tròn biểu tượng cho dương; âm-dương đất trời. với hư vô là cái trống rỗng của tâm tre.

Dùng tre đánh quân xâm lăng trong ý nghĩa chuyển tải khéo léo “cái dụng” của lý vận hành âm dương đúng môi trường, đúng vị trí (tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy người, v.v...); nắm bắt được lẽ sinh hóa của âm dương cái gì chẳng thông.

Với ẩn dụ Gậy Thần-Sách Ước, ông cha chúng ta chỉ rõ “lý” và “dụng” của lý âm dương một cách cụ thể, vừa linh động và sinh động. “Gậy Thần” động là dương, còn “Sách Ước” tĩnh là âm. Như trên đã trình bày không có sự vật nào trong đời sống mà không bao gồm cả âm lẫn dương từ vật nhỏ đến vật lớn.

Nắm được trục của Gậy Thần trong ý nghĩa chuyển tải “cái dụng” của lý âm dương vào đời sống. Gậy Thần có đầu sinh đầu tử. Đầu sinh biểu tượng cho dương, Rồng..., đầu tử biểu tượng

cho âm, Tiên. Như vậy đầu sinh, đầu tử của Gậy Thần biểu tượng cho hai mặt của một thực tại: âm dương, Tiên Rồng, có không, tốt xấu, sống chết, tình thương-hận thù, bảo thủ cấp tiến, mình người, v.v... Gậy Thần biểu tượng cho sự thông nhất, hài hòa hai mặt đối lập của một thực tại (xem chi tiết truyện Gậy Thần Sách Ước trên website www.tusachvietthuong.org).

Sách Ước biểu tượng cho âm; ước muốn của con người tượng trưng cho “dương”. Ba trang sách không có chữ của Sách Ước tượng trưng cho lòng trống rỗng trong sáng của con người. Hạnh phúc hay đau khổ, tình thương hay hận thù, hòa bình hay chiến tranh... tất cả đều do con người quyết định và tự tạo lập. Đó là hình ảnh của tâm vô phân biệt, tâm không chấp trước, không định kiến, không cố chấp..., không còn ở trong tâm cảnh “kiến bò miệng chén, gà què ăn quần cối xay”.

Điểm đặc sắc, đặc thù của nền minh triết Việt là biết trở thành cõi trống trong tư tưởng. Tinh thần cõi trống trong tư tưởng Việt khác với chân không của Phật giáo, khác với vô cực của Lão giáo, và khác với thái cực của Nho giáo.

Hình ảnh con người vận dụng Gậy Thần và Sách Ước, biểu tượng cho cõi trống trong tư tưởng Việt, nói lên rõ ràng vai trò chủ động của con người trong cuộc sống ngay tại đây và bây giờ. Giải thoát là giải thoát ra khỏi mọi trói buộc về vật chất và tinh thần trên dòng sông sinh động của con người ngay tại đây và bây giờ, chứ không phải thoát ly ra khỏi cuộc sống thực tiễn, trốn tránh, lẩn tránh thực tại để tìm về chân không trong siêu hình hay ở một nơi xa xăm nào đó sau khi chết.

Sách Ước biểu tượng cho thế giới tâm linh là đạo trị nội (cách mạng bên trong, chuyển hóa tâm thức) thì phải có Gậy Thần tượng trưng cho thế giới vật chất là đạo trị ngoại. Trong đạo xử thế quên bên ngoài hoặc ngược lại, chỉ lo bên ngoài mà xao lãng bên trong đều mất quân bình là sai lầm thiếu sót, sẽ không bao giờ đạt được hài hòa, an vui hạnh phúc, an nhiên tự tại; vật chất và tinh thần không phải là hai trạng thái riêng biệt mà phải kết hợp hài hòa như một, đối lập là bổ sung.

1.2.7 Tình Thương Là Cái Bất Biến Trong Nếp Sống Việt Nam

Với nếp sống thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người thì không còn lý giải dông dài với giáo điều, với khuôn mẫu đạo đức khô cứng, vượt thoát phải, trái, vượt qua cả lý lẫn tình mà chỉ có **“hòa cả làng”** trong tính và tình người. Tình thương là cái bất biến. Nói theo chữ nghĩa là **lý bất dịch chủ đạo vận hành cái biến dịch**; cái thường hằng là nguyên nhân của mọi biến dịch. Sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính và tình người thì lòng người tĩnh lặng trở lại trạng thái ban đầu, hòa vào dòng sông, chuyển tải tình thương vô tận của thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) vào dòng sông; dòng đời cứ tiến hóa, thăng hoa, hòa đồng để thăng tiến con người và cuộc sống. Đây là sự tĩnh lặng thật sự, “sự im lặng dung thông được tất cả mọi trạng thái mâu thuẫn, hay hổ tương của đời sống, chứ không phải là một trạng thái bất động của con thiên định xuất thần như biết bao nhiêu người đã ngộ nhận” (Sư Viên Minh, Thư Thầy Trò, Trang 48).

1.2.8 Âm Dương Hóa Mọi Hiện Tượng Ngoại Nhập

Ngay cả những khái niệm vay mượn đơn độc, khi nhập vào Việt Nam, chúng cũng được nhân đôi thành cặp: ở Trung Hoa, thần mai mỗi chỉ là một ông Tơ Hồng thì vào Việt Nam được biến thành ông Tơ-bà Nguyệt; ở Ấn Độ chỉ có Phật ông thì vào Việt Nam xuất hiện Phật ông-Phật bà.

Trong tìm về bản sắc văn hóa dân tộc, tác giả Trần Ngọc Thêm đã viết:

Chính nhờ có lối tư duy mang đậm tính cách âm dương từ trong máu thịt, nhờ nắm vững quy luật “trong âm có dương, trong dương có âm” và quy luật âm dương chuyển hóa tạo nên vũ trụ hài hòa mà người nông nghiệp Việt Nam có được triết lý sống quân bình như một trong những đặc trưng biến hình: trong cuộc sống, cố gắng không làm mất lòng ai (Ồ sao cho vừa lòng người. Ở rộng người cười, ở hẹp người chê); trong việc ăn: cố gắng giữ cho cơ thể được âm dương quân bình, đồ ăn âm tính phải kèm với gia vị dương tính; trong việc ở: cố gắng tạo nên sự hài hòa với môi trường thiên nhiên xung quanh....

Triết lý quân bình âm dương được thể hiện rất rõ không chỉ nơi người sống mà ngay cả nơi người chết: Trong những ngôi mộ cổ ở Lạch Trường (Thanh Hóa) có niên đại vào thế kỷ III trước công nguyên được gióng theo hướng Nam-Bắc, người ta nhận thấy các đồ vật bằng gốm (âm) được đặt ở phía Nam (dương). Cách sắp xếp này rõ ràng là để tạo ra sự quân bình theo nguyên tắc âm bù cho dương, dương bù cho âm. Ngay cả vị thần bảo vệ Phật pháp là một ông hộ pháp ở chùa cũng phải quân bình-có ông Thiện ông Ác (Thiện trước Ác sau).

Chính triết lý quân bình âm dương này tạo ra ở người Việt Nam một khả năng thích nghi cao với mọi hoàn cảnh (lối sống linh hoạt), dù khó khăn đến đâu vẫn không chán nản (sđd, Trang 113-114).

1.2.9 Cùng Ăn Ở Hít Thở Với Nguyên Lý Vận Hành Âm Dương (Duyên Khởi)

Xã hội Ấn Độ là một xã hội phân chia đẳng cấp một cách sâu sắc. Ngoài 4 đẳng cấp (tu si Bà la mon, Vương tướng, Thực nghiệp, Người lao động) còn có một hạng người bị đối xử còn tệ hơn người nô lệ, không thuộc đẳng cấp nào. Đó là những người bản xứ cùng khổ (Parias). Như vậy, người Ấn Độ sinh ra với tâm chấp trước (chấp đẳng cấp, chấp tôn giáo Bà-la-môn chẳng hạn, v.v...) cho nên Thái Tử Tất Đạt Đa đã từ bỏ đạo Bà-la-môn đi tìm con đường giác ngộ, nếu không muốn nói là con đường phá chấp (về sau Đức Phật đã dạy rằng ai hiểu chấp trước là hiểu toàn bộ giáo lý của ta).

Khi giác ngộ, thấy rõ nguyên lý Duyên Khởi (nói theo ngôn ngữ văn hóa Việt Nam là Nguyên Lý Vận Hành Âm Dương) Đức Phật dạy rằng ai thấy duyên khởi là thấy pháp, ai thấy pháp là thấy Phật; và Ngài đi khắp nơi thuyết phục dân Ấn Độ vận dụng nguyên lý Duyên Khởi vào đời sống thực tiễn.

Một việc làm vô cùng khó khăn; từ bi cũng như duyên khởi khó có thể nảy nở trong một xã hội phân chia đẳng cấp với cái tâm chấp trước và đạo Bà-la-môn ngự trị xã hội Ấn Độ đương thời, cùng với 62 trường phái triết học khác nhau đang lưu hành.

Nói một cách ngắn gọn ở Ấn Độ duyên khởi còn trong vòng chữ nghĩa, còn đang thuyết phục; trong lúc đó lý vận hành âm dương (nguyên lý duyên khởi) như đã trình bày ở phần trên đã được **thể hiện rõ nét trong nếp sống thuận lý theo thiên nhiên** (trong cơ trời đất liệu thời làm ăn) sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người.

Chính nhờ có kinh nghiệm sống với hệ luận của lý vận hành âm dương, trong âm có dương, trong dương có âm, trong họa có phúc, trong phúc có họa, và âm dương chuyển hóa (trèo cao ngã đau), mà người nông dân Việt Nam ngày xưa sống trong tinh thần lạc quan trong mọi hoàn cảnh: “*còn nước còn tác; chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo*”.

Người nông dân Việt đã vận dụng nguyên lý vận hành âm dương (nguyên lý duyên khởi) vào đời sống hiện thực linh động, sống trọn vẹn với cuộc sống (với cái đang là, cái đang xảy ra), nghĩa là cùng ăn, ở, hít thở với lý biến dịch âm dương trong đời sống ngay tại đây và bây giờ. Thấy chân tướng của sự vật, của hiện tượng **để sống**, chứ không phải để hệ thống thành kinh

điền (hoặc là tôn giáo hóa) để thuyết phục. Cho nên ông cha chúng ta đã nhắc nhở: *“trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua”*. Không phải chỉ vào lý vận hành âm dương (nguyên lý duyên khởi), mà phải trải qua nghĩa là phải sống trọn vẹn với lý vận hành âm dương, cùng ăn ở hít thở với nó.

Người nông dân Việt Nam ngày xưa đã diễn tả lý vận hành âm dương (duyên khởi) một cách đơn giản và thức tế: *“nước, phân, cần, giống”*, *“còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”* (do cái này có thì cái kia có). *“Con đàng đông”* (mưa sẽ tới rất nhanh) nên vừa trông vừa chạy. *“Con đàng Bắc”* đổ thóc ra phơi. Quạ tắm thì nắng, sáo tắm thì mưa. Thuận lý theo thiên nhiên (*trông cỏ trời đất liệu thời làm ăn*) sống trong vẹn với cuộc sống, với cái đang xảy ra. Nói cách khác sống trong vẹn với lý vận hành âm dương (duyên khởi) không an nhiên tự tại thì thôi, làm gì có thể bị quan chán đời: *“còn nước còn tát, chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo, chớ lo phận khó ai ơi, còn da lông mọc còn chồi lên cây”*.

Người Việt Nam theo đạo phật tại sao không nghe lời Phật dạy mà cam tâm làm nô lệ cho chùa, thiền viện và giới trung gian (sư và thiền sư). Phật đã dạy: Hãy nương tựa chính mình, không ai khác cho con có thể nương nhờ. Khi tự thân con thuần tịnh ấy là nơi nương nhờ tối thượng (Pháp Cú)... Hãy tự thấp đuốc lên mà đi.

Ông Krishnamurti đã khẳng định rằng chân lý ở trong mỗi người; nó không ở xa, nó không ở gần; nó vĩnh viễn ở ngay đó.... Hễ giây phút nào các bạn theo ai thì giây phút ấy các bạn ngưng theo chân lý. (Krishnamurti, Tinh Yêu NXB Nguồn Sống, Nguyễn Ước chuyên ngữ, Trang 4). Ông Krishnamurti còn khẳng định rằng cái mà Phật gọi là Niết Bàn, Jesus gọi là Thiên Đàng, tôi gọi là Cuộc Sống.

Tám thế kỷ trước (thế kỷ 13) vua Trần Nhân Tông đã khẳng định rằng ***“chân lý không nằm trong phật giáo mà nằm chính ngay ở giữa lòng cuộc sống”***.... Ngay cả giáo lý Phật cũng phải buông bỏ, mới có thể giác ngộ được.

Với truyền thống phát triển tâm linh lâu đời, người Việt Nam nếu ai đứng được trên hai chân của chính mình không cần nhờ cậy nơi này nơi khác nghĩa là không cần chạy vạy tìm cầu bên ngoài. Với tinh thần thực tiễn và tự chủ ông cha chúng ta xem hiện tượng bên ngoài như rế, giày, dép: *“có rế thì đỡ nóng tay, có giày có dép thì đỡ nóng chân”*.

Như vậy duyên khởi không phải là chữ nghĩa mà phải sống thực cho nên ông cha chúng ta đã nhắc nhở: *“trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua”*.

Vĩnh Như

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org